

BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20191
Lớp KTLĐ K10 Mã lớp học 27,086 Lý thuyết

Môn học: KLMH20 Máy điện

Giáo viên:.....*Phan Thị Thu*.....

Số đơn vị học trình: 3

Ngày thi

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
1	CD181132	Lê Trọng Anh	29/11/2000	7,5		<i>AC</i>	
2	CD180473	Nguyễn Danh Vương Bình	09/01/2000	7,5		<i>Bình</i>	
3	CD183047	Nguyễn Văn Cầm	27/03/1999	5,0		<i>Cầm</i>	
4	CD181375	Nguyễn Đình Chiến	25/12/2000	6,0		<i>Chiến</i>	
5	CD181395	Phạm Thành Chung	29/12/2000	6,0		<i>Chung</i>	
6	CD181291	Trương Công Cường	11/12/2000	6,0		<i>Cường</i>	
7	CD180254	Lê Hải Đăng	28/05/2000	7,0		<i>Đăng</i>	
8	CD182871	Nguyễn Anh Đức	06/06/2000	5,0		<i>Đức</i>	
9	CD182836	Lê Công Dũng	05/05/2000	7,0		<i>Dũng</i>	
10	CD180416	Nguyễn Tiến Dũng	18/09/1998	7,0		<i>Dũng</i>	
11	CD182062	Nguyễn Linh Giang	30/07/2000	7,5		<i>Giang</i>	
12	CD180239	Nguyễn Văn Hải	02/02/1999	7,0		<i>Hải</i>	
13	CD173974	Nguyễn Trung Hiếu	28/07/1998	Học lại			
14	CD180556	Nguyễn Văn Hiếu	21/06/2000	6,0		<i>Hiếu</i>	
15	CD182901	Trần Văn Hòa	14/06/2000	6,0		<i>Hòa</i>	
16	CD182145	Trịnh Minh Hòa	23/11/2000	5,5		<i>Hòa</i>	
17	CD181787	Vũ Minh Hoàn	16/08/2000	8,0		<i>Hoàn</i>	
18	CD180886	Lê Anh Hoàng	14/12/2000	7,5		<i>Hoàng</i>	
19	CD173371	Phạm Đức Hội	14/10/1999	5,0		<i>Hội</i>	
20	CD181678	Nguyễn Đức Huy	15/10/2000	8,0		<i>Huy</i>	
21	CD180166	Phan Ngọc Huy	16/12/1997	6,0		<i>Huy</i>	
22	CD181156	Vũ Minh Huy	22/04/2000	5,5		<i>Huy</i>	
23	CD180674	Lê Quang Khải	19/03/2000	8,0		<i>Khải</i>	
24	CD181890	Nguyễn Hữu Khánh	27/01/1999	6,0		<i>Khánh</i>	
25	CD182588	Phùng Đức Khánh	21/11/2000	6,0		<i>Khánh</i>	
26	CD181378	Nguyễn Xuân Lâm	15/09/2000	6,5		<i>Lâm</i>	
27	CD181118	Nguyễn Khắc Linh	05/08/2000	6,0		<i>Linh</i>	
28	CD181286	Đinh Tuấn Long	27/12/2000	6,5		<i>Long</i>	
29	CD181413	Hoàng Phi Long	09/01/2000	5,5		<i>Long</i>	
30	CD180898	Vũ Bảo Luân	14/12/2000	4,5		<i>Luân</i>	
31	CD181691	Đỗ Khắc Minh	20/09/2000	7,0		<i>Minh</i>	
32	CD182325	Hoàng Phương Nam	22/09/2000				
33	CD180284	Nguyễn Tiến Nhật	27/10/2000	7,0		<i>Ngật</i>	
34	CD180911	Nguyễn Anh Quân	20/09/2000	Không được thi do không hoàn thành học phí			
35	CD180278	Đặng Xuân Quyền	16/01/2000	7,0		<i>Quyền</i>	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
36	CD181402	Kiều Xuân Quỳnh	10/10/2000	—			
37	CD183066	Ngô Tuấn Thành <i>huy'</i>	07/10/1998	<i>5,5</i>	Không được thi do không hoàn thành học phí		
38	CD181981	Nguyễn Thị Thu Trang	24/08/2000	<i>5,0</i>		<i>Trang</i>	<i>Hoàn thành học phí 24/9</i>
39	CD180633	Trần Văn Trung	16/10/2000	<i>6,5</i>		<i>Trung</i>	
40	CD181896	Đỗ Văn Trường	27/09/2000	<i>5,0</i>		<i>Trường</i>	
41	CD180558	Nguyễn Xuân Trường	08/04/2000	<i>5,5</i>		<i>Trường</i>	
42	CD180248	Phạm Văn Tuấn	30/01/2000	<i>6,0</i>		<i>Tuấn</i>	
43	CD183088	Phan Anh Tuấn	11/09/1999	<i>6,0</i>		<i>Tuấn</i>	

Tổng số sinh viên dự thi:.....*39*
Số sinh viên đạt:.....*38/39*.....

Tổng số tờ giấy thi:.....
Ngày giáo viên nộp điểm:.....
Hạn cuối nộp điểm:.....

PHÒNG ĐÀO TẠO

Trần Thị Như Trang

Trần Thị Như Trang

CÁN BỘ CHẤM THI

Phan Thị Thu

CÁN BỘ COI THI 1

Nguyễn Châu Dung

TRƯỞNG KHOA

Liê Lai

CÁN BỘ COI THI 2